

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 7 năm 2026

SỐ LIỆU SINH HOẠT CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2025 – 2026

TT	KHOA	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2025-2026												KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024-2025				SO SÁNH TĂNG/ GIẢM				Ghi chú	
		SỐ LƯỢT SHCM (GV+TrG)				SỐ LƯỢT SHCM (GV)				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV					
		CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM		
I	TRƯỜNG KINH TẾ - KINH DOANH																						
1	KHOA KẾ TOÁN	1308	37	264	576	1308	37	264	576	82	2	17	36	63	2	13	28	18	0	3	8		
2	KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH	792	33	226	574	792	33	226	574	47	2	13	34	34	2	11	24	13	0	2	10		
3	KHOA MARKETING	332	27	110	305	332	26	110	302	26	2	8	23	37	3	12	26	-12	-1	-4	-3		
4	KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH	781	38	172	379	781	36	172	379	71	3	16	34	73	4	17	35	-2	-1	-2	0		
II	TRƯỜNG KHOA HỌC MÁY TÍNH																						
1	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	698	36	234	386	698	36	225	383	33	2	11	18	34	2	10	15	-1	0	0	3		
2	KHOA KHOA HỌC MÁY TÍNH	148	13	49	60	148	9	47	53	37	2	12	13	35	3	7	16	2	0	5	-3		
3	KHOA KỸ THUẬT MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG	138	31	58	170	138	30	58	170	20	4	8	24	9	2	4	11	11	2	4	13		
		CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM		

III	TRƯỜNG CÔNG NGHỆ & KỸ THUẬT																						
1	KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	510	45	160	352	510	28	160	343	36	2	11	25	38	5	11	26	-1	-3	0	-1		
2	KHOA MÔI TRƯỜNG & KHOA HỌC TỰ NHIÊN	1387	76	415	929	1387	72	414	926	40	2	12	26	33	3	13	27	6	-1	-1	0		
3	KHOA KIẾN TRÚC	414	26	93	293	414	25	93	293	32	2	7	23	38	5	12	27	-6	-3	-5	-4		
4	KHOA MỸ THUẬT ỨNG DỤNG	181	39	73	245	181	36	73	245	10	2	4	13	13	5	11	17	-4	-3	-7	-5		
5	KHOA XÂY DỰNG	231	22	95	182	231	18	92	180	21	2	8	16	24	3	12	22	-3	-2	-4	-6		
6	KHOA CƠ KHÍ	283	39	116	222	283	18	116	221	24	2	10	18	11	1	3	11	13	1	6	7		
7	KHOA NGHỆ THUẬT	0	0	0	52	0	0	0	52	0	0	0	10										
IV	TRƯỜNG NGÔN NGỮ - XÃ HỘI NHÂN VĂN																						
1	KHOA TIẾNG ANH	1757	52	507	1021	1757	50	507	1021	47	1	14	28	38	2	9	25	9	0	4	3		
2	KHOA TIẾNG HÀN	268	38	174	324	268	38	174	324	22	3	15	27	14	5	16	24	8	-1	-1	3		
3	KHOA TIẾNG TRUNG	253	35	194	506	253	34	194	506	9	1	7	19	10	2	11	21	-1	-1	-4	-2		
4	KHOA TIẾNG NHẬT	155	14	52	145	155	14	52	145	19	2	7	18	23	1	2	14	-4	1	5	4		
5	KHOA KH XÃ HỘI & NHÂN VĂN	824	35	172	438	821	31	171	437	37	1	8	20	43	2	10	25	-6	-1	-3	-5		
6	KHOA QUAN HỆ QUỐC TẾ	204	10	56	147	204	9	55	142	41	2	11	28	37	2	13	29	4	0	-2	0		
7	KHOA LUẬT	524	29	107	301	524	29	107	301	52	3	11	30	70	2	11	40	-18	1	0	-10		
		CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM		

V	TRƯỜNG Y DƯỢC																					
1	KHOA Y	590	36	222	420	590	34	222	420	25	1	9	18	28	3	9	21	-3	-1	0	-3	
2	KHOA DƯỢC	472	36	138	455	472	36	138	455	30	2	9	28	38	3	11	31	-8	-1	-2	-2	
3	KHOA ĐIỀU DƯỠNG	880	33	158	562	880	33	158	562	52	2	9	33	43	2	9	32	9	0	1	2	
4	KHOA RĂNG-HÀM-MẬT	134	9	44	137	134	6	44	134	10	0	3	10	6	1	4	12	5	0	-1	-2	
5	KHOA KỸ THUẬT Y HỌC	26	1	9	20	26	1	9	20	26	1	9	20									
VI	TRƯỜNG DU LỊCH																					
1	KHOA KHÁCH SẠN-NHÀ HÀNG QUỐC TẾ	422	35	187	399	422	34	187	399	22	2	10	21	29	2	12	25	-7	0	-2	-4	
2	KHOA DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ	370	18	97	344	370	16	94	323	31	1	8	27	22	2	11	20	9	0	-3	7	
VII	TRƯỜNG ĐÀO TẠO QUỐC TẾ																					
1	KHOA CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM VIỆT - MỸ (CMU)	262	15	112	128	262	15	112	128	24	1	10	12	17	2	15	16	7	-1	-4	-4	
2	KHOA QUẢN LÝ - KINH TẾ VIỆT - MỸ (PSU)	889	46	237	406	889	46	237	406	59	3	16	27	57	4	18	23	2	0	-3	4	
3	KHOA KIẾN TRÚC & XÂY DỰNG VIỆT - MỸ (CSU)	207	13	99	182	207	12	99	180	19	1	9	16	19	1	5	20	0	0	4	-4	

		CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT
1	TRUNG TÂM NGOẠI NGŨ	7	3	13	87	7	3	13	87	2	1	4	29	1	2	3	26	2	-1	1	3	
2	TRUNG TÂM GDTC - QP		14	84	228		14	84	228		1	8	23		2	11	16		0	-2	7	
	TỔNG CỘNG	15447	934	4727	10975	15444	859	4707	10915													

TRƯỞNG BAN

TS. Trần Văn Hùng

